

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
QUÝ 1/2018**

THÁNG 04/2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
I	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		308,386,898,718	275,857,827,071
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		186,828,858,059	95,185,258,133
1. Tiền	111	V.01	112,828,858,059	39,211,754,691
2. Các khoản tương đương tiền			74,000,000,000	55,973,503,442
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	16,000,000,000	111,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16,000,000,000	111,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94,393,546,019	53,161,410,312
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	88,337,901,214	46,259,101,252
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1,671,544,700	303,150,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	4,905,713,567	7,120,772,522
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(521,613,462)	(521,613,462)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		-	6,226,388,736
1. Hàng tồn kho	141		-	6,226,388,736
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,164,494,640	10,284,769,890
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	4,801,190,126	8,060,436,494
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,363,304,514	2,224,333,396
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.07		
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		416,159,432,712	427,185,627,265
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		1,384,000,000	1,384,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		1,384,000,000	1,384,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		405,028,101,891	365,190,398,393
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	341,208,070,310	300,954,204,793
- Nguyên giá	222		617,019,762,142	565,014,875,040
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(275,811,691,832)	(264,060,670,247)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			



- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	63,820,031,581	64,236,193,600
- Nguyên giá	228		79,512,404,441	79,512,404,441
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(15,692,372,860)	(15,276,210,841)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	50,887,720,726
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			50,887,720,726
V. Tài sản dài hạn khác	250		2,258,600,000	2,258,600,000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	2,258,600,000	2,258,600,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7,488,730,821	7,464,908,146
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	7,488,730,821	7,464,908,146
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		724.546.331.430	703.043.454.336
NGUỒN VỐN				
A – NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		92,779,373,344	97,191,120,230
I. Nợ ngắn hạn	310		84,148,124,916	77,095,645,230
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	25,285,223,689	34,706,204,543
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		554,731,100	401,151,350
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6,326,058,453	1,249,371,851
4. Phải trả người lao động	314	V.15	1,956,716,192	5,043,473,843
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	9,896,334,781	1,632,528,578
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3,000,000,000	6,000,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3,713,129,210	4,586,365,588
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		29,339,266,499	18,342,034,485
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	4,076,664,992	5,134,514,992
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		8,631,248,428	20,095,475,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	2,339,773,428	1,905,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	6,291,475,000	18,190,475,000

9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		631,766,958,086	605,852,334,106
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	631,766,958,086	605,852,334,106
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		340,000,000,000	340,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60,123,448,000	60,123,448,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		88,911,874,275	88,911,874,275
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		126,731,635,811	103,817,011,831
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		102,777,011,831	34,260,918,022
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23,954,623,980	69,556,093,809
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	423		16,000,000,000	13,000,000,000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		724,546,331,430	703,043,454,336

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp.HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2018

Giám đốc

Lý Ngọc Tuyên

Lê Thanh Sơn

Lâm Văn Tuấn



Date	Description	Debit	Credit
1890	Jan 1		
	Jan 2		
	Jan 3		
	Jan 4		
	Jan 5		
	Jan 6		
	Jan 7		
	Jan 8		
	Jan 9		
	Jan 10		
	Jan 11		
	Jan 12		
	Jan 13		
	Jan 14		
	Jan 15		
	Jan 16		
	Jan 17		
	Jan 18		
	Jan 19		
	Jan 20		
	Jan 21		
	Jan 22		
	Jan 23		
	Jan 24		
	Jan 25		
	Jan 26		
	Jan 27		
	Jan 28		
	Jan 29		
	Jan 30		
	Jan 31		
	Feb 1		
	Feb 2		
	Feb 3		
	Feb 4		
	Feb 5		
	Feb 6		
	Feb 7		
	Feb 8		
	Feb 9		
	Feb 10		
	Feb 11		
	Feb 12		
	Feb 13		
	Feb 14		
	Feb 15		
	Feb 16		
	Feb 17		
	Feb 18		
	Feb 19		
	Feb 20		
	Feb 21		
	Feb 22		
	Feb 23		
	Feb 24		
	Feb 25		
	Feb 26		
	Feb 27		
	Feb 28		
	Feb 29		
	Feb 30		
	Feb 31		
	Mar 1		
	Mar 2		
	Mar 3		
	Mar 4		
	Mar 5		
	Mar 6		
	Mar 7		
	Mar 8		
	Mar 9		
	Mar 10		
	Mar 11		
	Mar 12		
	Mar 13		
	Mar 14		
	Mar 15		
	Mar 16		
	Mar 17		
	Mar 18		
	Mar 19		
	Mar 20		
	Mar 21		
	Mar 22		
	Mar 23		
	Mar 24		
	Mar 25		
	Mar 26		
	Mar 27		
	Mar 28		
	Mar 29		
	Mar 30		
	Mar 31		
	Apr 1		
	Apr 2		
	Apr 3		
	Apr 4		
	Apr 5		
	Apr 6		
	Apr 7		
	Apr 8		
	Apr 9		
	Apr 10		
	Apr 11		
	Apr 12		
	Apr 13		
	Apr 14		
	Apr 15		
	Apr 16		
	Apr 17		
	Apr 18		
	Apr 19		
	Apr 20		
	Apr 21		
	Apr 22		
	Apr 23		
	Apr 24		
	Apr 25		
	Apr 26		
	Apr 27		
	Apr 28		
	Apr 29		
	Apr 30		
	Apr 31		
	May 1		
	May 2		
	May 3		
	May 4		
	May 5		
	May 6		
	May 7		
	May 8		
	May 9		
	May 10		
	May 11		
	May 12		
	May 13		
	May 14		
	May 15		
	May 16		
	May 17		
	May 18		
	May 19		
	May 20		
	May 21		
	May 22		
	May 23		
	May 24		
	May 25		
	May 26		
	May 27		
	May 28		
	May 29		
	May 30		
	May 31		
	Jun 1		
	Jun 2		
	Jun 3		
	Jun 4		
	Jun 5		
	Jun 6		
	Jun 7		
	Jun 8		
	Jun 9		
	Jun 10		
	Jun 11		
	Jun 12		
	Jun 13		
	Jun 14		
	Jun 15		
	Jun 16		
	Jun 17		
	Jun 18		
	Jun 19		
	Jun 20		
	Jun 21		
	Jun 22		
	Jun 23		
	Jun 24		
	Jun 25		
	Jun 26		
	Jun 27		
	Jun 28		
	Jun 29		
	Jun 30		
	Jun 31		
	Jul 1		
	Jul 2		
	Jul 3		
	Jul 4		
	Jul 5		
	Jul 6		
	Jul 7		
	Jul 8		
	Jul 9		
	Jul 10		
	Jul 11		
	Jul 12		
	Jul 13		
	Jul 14		
	Jul 15		
	Jul 16		
	Jul 17		
	Jul 18		
	Jul 19		
	Jul 20		
	Jul 21		
	Jul 22		
	Jul 23		
	Jul 24		
	Jul 25		
	Jul 26		
	Jul 27		
	Jul 28		
	Jul 29		
	Jul 30		
	Jul 31		
	Aug 1		
	Aug 2		
	Aug 3		
	Aug 4		
	Aug 5		
	Aug 6		
	Aug 7		
	Aug 8		
	Aug 9		
	Aug 10		
	Aug 11		
	Aug 12		
	Aug 13		
	Aug 14		
	Aug 15		
	Aug 16		
	Aug 17		
	Aug 18		
	Aug 19		
	Aug 20		
	Aug 21		
	Aug 22		
	Aug 23		
	Aug 24		
	Aug 25		
	Aug 26		
	Aug 27		
	Aug 28		
	Aug 29		
	Aug 30		
	Aug 31		
	Sep 1		
	Sep 2		
	Sep 3		
	Sep 4		
	Sep 5		
	Sep 6		
	Sep 7		
	Sep 8		
	Sep 9		
	Sep 10		
	Sep 11		
	Sep 12		
	Sep 13		
	Sep 14		
	Sep 15		
	Sep 16		
	Sep 17		
	Sep 18		
	Sep 19		
	Sep 20		
	Sep 21		
	Sep 22		
	Sep 23		
	Sep 24		
	Sep 25		
	Sep 26		
	Sep 27		
	Sep 28		
	Sep 29		
	Sep 30		
	Sep 31		
	Oct 1		
	Oct 2		
	Oct 3		
	Oct 4		
	Oct 5		
	Oct 6		
	Oct 7		
	Oct 8		
	Oct 9		
	Oct 10		
	Oct 11		
	Oct 12		
	Oct 13		
	Oct 14		
	Oct 15		
	Oct 16		
	Oct 17		
	Oct 18		
	Oct 19		
	Oct 20		
	Oct 21		
	Oct 22		
	Oct 23		
	Oct 24		
	Oct 25		
	Oct 26		
	Oct 27		
	Oct 28		
	Oct 29		
	Oct 30		
	Oct 31		
	Nov 1		
	Nov 2		
	Nov 3		
	Nov 4		
	Nov 5		
	Nov 6		
	Nov 7		
	Nov 8		
	Nov 9		
	Nov 10		
	Nov 11		
	Nov 12		
	Nov 13		
	Nov 14		
	Nov 15		
	Nov 16		
	Nov 17		
	Nov 18		
	Nov 19		
	Nov 20		
	Nov 21		
	Nov 22		
	Nov 23		
	Nov 24		
	Nov 25		
	Nov 26		
	Nov 27		
	Nov 28		
	Nov 29		
	Nov 30		
	Dec 1		
	Dec 2		
	Dec 3		
	Dec 4		
	Dec 5		
	Dec 6		
	Dec 7		
	Dec 8		
	Dec 9		
	Dec 10		
	Dec 11		
	Dec 12		
	Dec 13		
	Dec 14		
	Dec 15		
	Dec 16		
	Dec 17		
	Dec 18		
	Dec 19		
	Dec 20		
	Dec 21		
	Dec 22		
	Dec 23		
	Dec 24		
	Dec 25		
	Dec 26		
	Dec 27		
	Dec 28		
	Dec 29		
	Dec 30		
	Dec 31		

The following is a list of the names of the persons who have been admitted to the membership of the Society since the last meeting of the Council, and the date of their admission:

1. Mr. J. H. Smith, 1890, Jan 15.
 2. Mr. W. B. Jones, 1890, Feb 10.
 3. Mr. T. C. Brown, 1890, Mar 5.
 4. Mr. R. D. White, 1890, Apr 20.
 5. Mr. S. G. Black, 1890, May 15.
 6. Mr. L. K. Green, 1890, Jun 10.
 7. Mr. M. P. Gray, 1890, Jul 5.
 8. Mr. N. Q. Red, 1890, Aug 20.
 9. Mr. O. R. Blue, 1890, Sep 15.
 10. Mr. P. S. Yellow, 1890, Oct 10.
 11. Mr. Q. T. Purple, 1890, Nov 5.
 12. Mr. R. U. Pink, 1890, Dec 20.
 13. Mr. S. V. Orange, 1891, Jan 15.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2018 đến 31/03/2018

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2018		Luỹ kế	
			Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
A	B	C	I	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	102,193,501,877	78,741,299,635	102,193,501,877	78,741,299,635
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		102,193,501,877	78,741,299,635	102,193,501,877	78,741,299,635
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	71,693,068,583	49,128,742,378	71,693,068,583	49,128,742,378
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		30,500,433,294	29,612,557,257	30,500,433,294	29,612,557,257
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1,970,941,660	1,760,806,122	1,970,941,660	1,760,806,122
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	730,169,562	2,056,892,609	730,169,562	2,056,892,609
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2,054,642,132	-	2,054,642,132
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25					
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5,268,491,327	3,746,911,820	5,268,491,327	3,746,911,820
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		26,472,714,065	25,569,558,950	26,472,714,065	25,569,558,950
12. Thu nhập khác	31		3,493,440,909	145,904,754	3,493,440,909	145,904,754
13. Chi phí khác	32		-	-	-	-
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3,493,440,909	145,904,754	3,493,440,909	145,904,754
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29,966,154,974	25,715,463,704	29,966,154,974	25,715,463,704
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	6,011,530,994	5,143,092,741	6,011,530,994	5,143,092,741
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		23,954,623,980	20,572,370,963	23,954,623,980	20,572,370,963
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		23,391,087,425	19,684,608,219	23,391,087,425	19,684,608,219
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		563,536,555	887,762,744	563,536,555	887,762,744
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		688	579	688	579
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		688	579	688	579

Người lập biên

Lý Ngọc Tuyên

Kế toán trưởng

Lê Thanh Sơn

Tp. HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2018

Giám đốc



Giám đốc
Lâm Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LÁI

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1			Luỹ kế	
			Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	
A	B	C	1	2	3	4	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh							
1. Lợi nhuận trước thuế	1		29,966,154,974	25,715,463,704	29,966,154,974	25,715,463,704	
2. Điều chỉnh cho các khoản							
- Khấu hao TSCĐ	2		12,167,183,604	14,305,238,546	12,167,183,604	14,305,238,546	
- Các khoản dự phòng	3						
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		33,229,158	1,413,050	33,229,158	1,413,050	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		2,015,641,356	(1,698,020,104)	2,015,641,356	(1,698,020,104)	
- Chi phí lãi vay	6		730,162,079	2,054,642,132	730,162,079	2,054,642,132	
- Các khoản điều chỉnh khác	7						
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		44,912,371,171	40,378,737,328	44,912,371,171	40,378,737,328	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(27,635,415,756)	(22,187,097,078)	(27,635,415,756)	(22,187,097,078)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6,226,388,736)	(2,500,000,000)	(6,226,388,736)	(2,500,000,000)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhân doanh nghiệp phải nộp)	11		(10,954,943,507)	11,339,734,757	(10,954,943,507)	11,339,734,757	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3,235,423,693	9,933,578	3,235,423,693	9,933,578	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13						
- Tiền lãi vay đã trả	14		(730,162,079)	(2,054,642,132)	(730,162,079)	(2,054,642,132)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(267,568,120)	(4,089,800,561)	(267,568,120)	(4,089,800,561)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16						
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1,057,850,000)	(3,158,191,637)	(1,057,850,000)	(3,158,191,637)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,275,466,666	17,738,674,255	1,275,466,666	17,738,674,255	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư							
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9,058,663,767)	(2,466,600,000)	(9,058,663,767)	(2,466,600,000)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			53,272,727		53,272,727	

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Quý 2		Quý 3		Quý 4	
			Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017		
A	B	C	1	2	3	4				
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23									
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		95,000,000,000			95,000,000,000				
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12,000,000,000)			(12,000,000,000)				
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3,359,944,126	1,832,511,956	3,359,944,126	1,832,511,956				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		77,301,280,359	(580,815,317)	77,301,280,359	(580,815,317)				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-	-	-				
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính										
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		15,000,000,000		15,000,000,000					
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32									
3. Tiền thu từ đi vay	33		10,962,791,499	1,075,000,000	10,962,791,499	1,075,000,000				
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(11,864,559,485)	(24,912,190,965)	(11,864,559,485)	(24,912,190,965)				
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35									
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,040,000,000)	(1,040,000,000)	(1,040,000,000)	(1,040,000,000)				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13,058,232,014	(24,877,190,965)	13,058,232,014	(24,877,190,965)				
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		91,634,979,039	(7,719,332,027)	91,634,979,039	(7,719,332,027)				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		95,185,258,133	202,317,776,010	95,185,258,133	202,317,776,010				
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8,620,887		8,620,887					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31	186,828,858,059	194,598,443,983	186,828,858,059	194,598,443,983				

Người lập biểu

Lý Ngọc Tuyên

Kế toán trưởng

Lê Thanh Sơn

Tp. HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2018

Giám đốc

Lâm Văn Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1/2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty con trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ ngày 06 tháng 2 năm 2018, Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái đã trở thành Công ty con của Công ty theo giấy chứng nhận góp vốn số 602/GCNGV-CIL.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái có trụ sở chính tại số 938/180 Đường Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54.29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con được lập cho 3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư và kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 12	3 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 10	3 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	3
Tài sản cố định khác	3	

(*) Phương tiện vận tải có thời gian khấu hao 3 năm là các tài sản mua cũ được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	111.552.388	136.698.385
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	112.717.305.671	39.075.056.306
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	74.000.000.000	55.973.503.442
Cộng	<u>186.828.858.059</u>	<u>95.185.258.133</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	16.000.000.000	16.000.000.000	111.000.000.000	111.000.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>2.258.600.000</i>		<i>2.258.600.000</i>	
Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	2.258.600.000		2.258.600.000	
Cộng	<u>2.258.600.000</u>		<u>2.258.600.000</u>	

⁽ⁱⁱ⁾ Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán tài sản cố định (xe đầu kéo, romoo) cho Công ty con	-	70.033.919.893
Bán vật tư, lốp xe, thiết bị theo xe cho Công ty con	-	6.458.827.510
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	-	11.870.042.765
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty con	-	40.074.147.640
Nhận cổ tức của Công ty con	-	560.000.000
Nhận chiết khấu thanh toán từ Công ty con	-	660.000.000

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁI LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Phải thu các bên liên quan	73.826.532.735		23.337.126.124	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	68.509.648.849		19.907.734.056	
Công ty Cổ phần ICID Tân Cảng Long Bình	517.920.000		466.903.000	
Công ty Cổ phần kho vận Tân Cảng	2.095.028.386		1.813.382.568	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	1.058.390.000		1.002.815.000	
Công ty Cổ phần vận tải bộ Tân Cảng	1.645.545.500		146.291.500	
Phải thu các khách hàng khác	14.511.368.479		22.911.975.128	
Công ty TNHH TM XNK Cao Phát	1.820.466.000		-	
Công ty TNHH cao su Việt Lào	935.719.400		-	
Công ty cao su hữu nghị Lào Việt	1.562.400.000		2.213.400.000	
CN Công ty TNHH dầu thực vật Cái Lân tại Hiệp Phước TPHCM	1.809.908.565		1.819.404.079	
Các khách hàng khác	8.382.874.514		18.879.171.049	
Cộng	88.337.901.214		46.249.101.252	
3b. Phải thu dài hạn của khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm	
Phải thu bên liên quan	-		-	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-		-	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	-		128.700.000	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh niên Xung phong	262.800.000		98.550.000	
Công ty TNHH Xây dựng điện Xuân Bách	-		75.900.000	
Công ty TNHH Đông Nam Tyres	1.408.744.700		-	
Cộng	1.671.544.700		303.150.000	
5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác				
5a. Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	43.135.410		207.687.094	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Các khoản chi hộ	-		128.336.684	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung - Các khoản chi hộ	7.593.705		18.978.705	
Công ty Cổ phần vận tải bộ Tân Cảng - Các khoản chi hộ	35.541.705		60.371.705	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.668.822.772		4.808.602.702	
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	515.811.106		2.386.447.222	
Ký cược, ký quỹ	101.000.000		260.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	3.427.837.846		2.683.704.206	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	817.929.205		1.312.934.000	
Cộng	4.905.713.567		7.120.772.522	

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	1.384.000.000		1.384.000.000	

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm		
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Công ty Cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị	Từ 2 năm đến 3 năm	570.889.660	171.266.898	Từ 2 năm đến 3 năm	570.889.660	178.134.758
Công ty Cổ phần Gỗ Hải Quảng	Từ 1 năm đến 2 năm	68.775.300	34.787.650	Từ 1 năm đến 2 năm	68.775.300	38.305.050
Công ty TNHH Vận tải XNK Trung Thành	Trên 3 năm	44.999.550			44.999.550	
Nguyễn Văn Tuyên - Phải thu khác	Từ 2 đến dưới 3 năm	35.207.000	17.603.500	Từ 1 đến dưới 2 năm	35.207.000	24.645.000
Nguyễn Văn Tý - Phải thu khác	Từ 2 đến dưới 3 năm	50.000.000	25.000.000	Từ 1 đến dưới 2 năm	50.000.000	35.975.000
Nguyễn Quốc Phong - Phải thu khác	Từ 1 đến dưới 2 năm			Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.432.000	1.002.000
Cộng		769.871.510	248.258.048		771.393.510	278.061.808

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng bổ sung	521.613.462	521.613.462
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	521.613.462	521.613.462

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-		6.226.388.736	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
--	-------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	428.586.096	801.448.856
Chi phí bảo hiểm phương tiện	659.588.857	572.140.435
Phí sử dụng đường bộ	566.464.902	496.010.150
Chi phí kiểm định cầu tàu	127.282.500	169.710.000
Chi phí thuê cầu RTG	3.000.000.000	6.000.000.000
Chi phí khác	19.267.771	21.127.053
Cộng	<u>4.801.190.126</u>	<u>8.060.436.494</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thay thế đệm va cầu tàu	43.905.553	109.763.887
Chi phí công cụ dụng cụ	7.429.856.106	7.335.129.376
Phần mềm kế toán	5.449.162	7.638.883
Các chi phí trả trước dài hạn khác	9.520.000	12.376.000
Cộng	<u>7.488.730.821</u>	<u>7.464.908.146</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	167.039.578.765	359.011.751.426	38.908.144.304	55.400.545		565.014.875.040
Số đầu năm		107.430.556	51.897.456.546			52.004.887.102
Mua trong năm						
Phân loại lại tài sản cố định						
Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối năm	167.039.578.765	359.119.181.982	90.805.600.850	55.400.545		617.019.762.142
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	39.792.306.735	6.953.812.021		55.400.545		46.801.519.301
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	81.853.320.286	172.497.257.126	9.654.692.291	55.400.545		264.060.670.248
Khấu hao trong năm	1.306.956.123	7.858.752.990	2.585.312.468			11.751.021.581
Phân loại lại tài sản cố định						
Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối năm	83.160.276.409	180.356.010.116	12.240.004.759	55.400.545		275.811.691.829
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	85.186.258.479	186.514.494.300	29.253.452.013			300.954.204.792
Số cuối năm	83.879.302.356	178.763.171.866	78.565.596.091			341.208.070.313
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	79.232.404.441	280.000.000	79.512.404.441
Mua trong năm		-	-
Giảm trong năm			
Số cuối năm	79.232.404.441	280.000.000	79.512.404.441

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	15.186.210.845	89.999.996	15.276.210.841
Khấu hao trong năm	396.162.021	19.999.998	416.162.019
Giảm trong năm			
Số cuối năm	15.582.372.866	109.999.994	15.692.372.860

Giá trị còn lại

Số đầu năm	65.630.841.680	73.333.333	65.704.175.013
Số cuối năm	63.650.031.575	170.000.006	63.820.031.581

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	50.887.720.726	-	-	-

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	5.630.398.335	4.721.775.429
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	178.931.450	46.413.035
Công ty Cổ phần kho vận Tân Cảng	66.520.000	43.852.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	490.192.885	471.801.394
Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh	4.894.754.000	4.159.708.500
Phải trả các nhà cung cấp khác	19.654.825.354	29.984.429.114
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Xây dựng Hưng Thành Phát	-	1.769.310.600
Công ty TNHH cao su Đinh Lốp	1.114.850.000	101.500.000
Công ty TNHH dịch vụ logistics Tuấn Minh	1.455.631.815	1.507.701.806
Công ty TNHH dịch vụ vận tải Lê Phát	1.475.383.000	3.375.405.000
Công ty TNHH Đầu tư & Du lịch Hoà Bình Xanh	2.025.500.001	1.800.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thủy Ngọc	915.840.000	843.040.000
Các nhà cung cấp khác	12.667.620.538	20.586.971.708
Cộng	25.285.223.689	34.706.204.543

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại Á Châu Sài Gòn	-	281.410.850
Công ty TNHH MTV Đặng Thái Gia		
Liên hiệp HTX Thương mại TP.Hồ Chí Minh	554.731.100	119.740.500
Cộng	554.731.100	401.151.350

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	904.424.708	6.011.530.994	(1.026.173.675)	5.889.782.027
Thuế thu nhập cá nhân	49.553.963	365.519.671	(274.190.388)	140.883.246
Thuế nhà đất	295.393.180	-	-	295.393.180
Các loại thuế khác		6.000.000	(6.000.000)	
Cộng	1.249.371.851	6.383.050.665	(1.306.364.063)	6.326.058.453

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ vận chuyển quốc tế là 0%, dịch vụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.966.154.974	25.715.463.704
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	91.500.000	-
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	91.500.000	-
Chi phí không hợp lệ	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của tiền và các khoản nợ phải thu năm 2016 đã thực hiện trong năm 2017	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của tiền và các khoản nợ phải thu năm 2015 đã thực hiện trong năm 2016		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập tính thuế	30.057.654.974	25.715.463.704
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>6.011.530.994</i>	<i>5.143.092.741</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>6.011.530.994</u>	<u>5.143.092.741</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1,041,730,093</i>	<i>1,001,406,232</i>
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Lê Hà	1,041,730,093	1,001,406,232
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>8,854,604,688</i>	<i>631,122,346</i>
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Nguyễn Thành Lê	20,161,932	540,703,116
Trích trước lệ phí trước bạ của 119 mooc, 8 xe Hino, 15 xe Daewoo	975,381,440	
Trích trước lương tháng 3	1,723,590,533	
Trích trước chi phí vendor	5,221,688,419	
Trích trước chi phí sửa chữa	650,000,000	
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	263,782,364	90,419,230
Cộng	<u>9.896.334.781</u>	<u>1.632.528.578</u>

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bên liên quan</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái - Tiền cho thuê cầu	3.000.000.000	6.000.000.000

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác*17a. Phải trả ngắn hạn khác*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	64.352.630	1.096.526.730
Ông Ngô Phạm Việt Tuấn - Mượn tiền không tính lãi	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thu hộ BHXH, BHYT & BHTN	3.825.900	36.000.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng - Các khoản thu chỉ hộ	60.526.730	60.526.730
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	3.648.776.580	3.489.838.858
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT & BIHTN	176.891.897	56.053.241
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	624.750.000	422.850.000
Quỹ tương trợ lái xe	-	46.494.753
Bà Nguyễn Thị Ngọc - các khoản chi hộ phải trả	-	930.785.535
Bà Trần Thị Hồng - các khoản chi hộ phải trả	877.752.500	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.860.173.075	1.860.173.075
Phải trả ngắn hạn khác	109.209.108	173.482.254
Cộng	3.713.129.210	4.586.365.588

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	780.000.000	900.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Lê Hà - Tiền gốc hợp tác kinh doanh phải trả	780.000.000	900.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.559.773.428	1.005.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Nguyễn Thành Lê - Tiền gốc hợp tác kinh doanh phải trả	944.773.428	390.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	615.000.000	615.000.000
Cộng	2.339.773.428	1.905.000.000

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn**18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	19.976.775.000	9.663.300.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú	9.696.775.000	4.263.600.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	10.280.000.000	5.400.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.362.791.499	8.678.734.485

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	29.339.566.499	18.342.034.485

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV-0242/SME/17LD ngày 13 tháng 10 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức cho vay là 10.000.000.000 VND với thời hạn duy trì hạn mức là từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 25 tháng 9 năm 2018. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng với lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo của khoản vay được quy định tại Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 0287/NIINT-SME/17 ngày 13 tháng 10 năm 2017.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	8,678,734,485	9,362,791,499		(8,678,734,485)	9,362,791,499
Vay dài hạn đến hạn trả	9,663,600,000		11,899,000,000	(1,585,825,000)	19,976,775,000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú</i>	<i>4,263,600,000</i>		<i>6,499,000,000</i>	<i>(1,065,825,000)</i>	<i>9,696,775,000</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>	<i>5,400,000,000</i>		<i>5,400,000,000</i>	<i>(520,000,000)</i>	<i>10,280,000,000</i>
Ngô Phạm Việt Tuấn		1,600,000,000		(1,600,000,000)	
Cộng	18,342,334,485	10,962,791,499	11,899,000,000	(11,864,559,485)	29,339,566,499

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú	2,351,475,000	8,850,475,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	3,940,000,000	9,340,000,000
Cộng	6,291,475,000	18,190,475,000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay số 0186/SME/15CD ngày 23 tháng 11 năm 2015 để đầu tư phương tiện vận tải. Khoản vay có thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất 7,5%/năm cố định trong năm đầu tiên, các năm tiếp theo áp dụng theo lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương công bố cộng biên độ 2%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản thế chấp của bên thứ ba là Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.

- Hợp đồng vay số 0212/SME/15CD ngày 30 tháng 12 năm 2015 để đầu tư phương tiện vận tải. Khoản vay có thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất 7,5%/năm cố định trong năm đầu tiên, các năm tiếp theo áp dụng theo lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương công bố cộng biên độ 2%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản thế chấp của bên thứ ba là Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

⁽⁰⁾ Vay ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng số 19204.15.110.2421850.TD ngày 29 tháng 9 năm 2015 để thanh toán tiền mua phương tiện vận tải. Thời hạn cho vay kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2015 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2019 với lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng cấp tín dụng số 5006.16.110.2421850.TD ký ngày 19 tháng 5 năm 2016 để thanh toán tiền mua 01 cầu Kalmar (RTG 6+1). Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng cấp tín dụng số 2023.17.110.2421850.TD ngày 09 tháng 3 năm 2017 để thanh toán tiền mua phương tiện vận tải. Thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn các ngân hàng như sau:

Số đầu năm	18.190.475.000
Số tiền vay phát sinh	-
Số tiền vay đã trả	-
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(11.899.000.000)
Số cuối năm	<u>6.291.475.000</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích lập từ lợi nhuận			Số cuối năm
	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm		
Quỹ khen thưởng	2.332.428.603	-	(773.850.000)	1.488.578.603
Quỹ phúc lợi	2.797.226.508	-	(284.000.000)	2.583.226.508
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.859.881	-	-	4.859.881
Cộng	<u>5.134.514.992</u>	-	<u>(1.057.850.000)</u>	<u>4.076.664.992</u>

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	340.000.000.000	60.123.448.000	64.185.151.590	111.816.311.642	-	576.124.911.232
Lợi nhuận năm trước				86.268.075.865		86.268.075.865
Trích lập các quỹ trong năm trước			12.199.110.569	(16.274.221.138)		(4.075.110.569)
Chia cổ tức trong năm trước			12.527.612.116	(16.703.482.821)		(4.175.870.705)
Chia cổ tức trong năm nay				(61.200.000.000)		(61.200.000.000)
Tăng do hợp nhất					13.000.000.000	13.000.000.000
Giảm khác				(89.671.717)		(89.671.717)
Số dư cuối năm trước	<u>340.000.000.000</u>	<u>60.123.448.000</u>	<u>88.911.874.275</u>	<u>103.817.011.831</u>	<u>13.000.000.000</u>	<u>605.852.334.106</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm nay	340.000.000.000	60.123.448.000	88.911.874.275	103.817.011.831	13.000.000.000	605.852.334.106
Lợi nhuận năm nay				22.914.623.980		22.914.623.980
Tăng do tăng vốn điều lệ					3.000.000.000	3.000.000.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận trong năm						
Số dư cuối năm nay	340.000.000.000	60.123.448.000	88.911.874.275	126.731.635.811	16.000.000.000	631.766.958.086

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	162.149.200.000	162.149.200.000
Trong đó:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	87.161.700.000	87.161.700.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	74.987.500.000	74.987.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	177.850.800.000	177.850.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	60.123.448.000	60.123.448.000
Cộng	400.123.448.000	400.123.448.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.000.000	34.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển	35.312.500.000	35.312.500.000
Doanh thu bốc xếp, nâng hạ	12.419.874.000	11.143.874.000
Doanh thu tiền điện tại cảng	2.039.288.617	1.887.957.626
Doanh thu dịch vụ kho bãi	1.678.628.669	20.716.649.509
Doanh thu vận tải	50.743.210.591	9.680.318.500
Cộng	102.193.501.877	78.741.299.635

2. Giá vốn hàng bán

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	71.693.068.583	49.128.742.378
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.855.444.881	1.731.192.099
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	115.496.779	23.486.523
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	6.127.500
Cộng	<u>1.970.941.660</u>	<u>1.760.806.122</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	730.169.562	2.054.642.132
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		2.250.477
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		-
Cộng	<u>730.169.562</u>	<u>2.056.892.609</u>
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.098.841.429	2.850.552.089
Chi phí vật liệu quản lý	18.743.339	12.420.240
Chi phí đồ dùng văn phòng	98.353.322	29.922.094
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.246.064	53.350.000
Thuế, phí và lệ phí	41.450.985	11.003.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	333.213.462	401.866.228
Các chi phí khác	591.642.726	387.797.569
Cộng	<u>5.268.491.327</u>	<u>3.746.911.820</u>
6. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bán vỏ cont	9.090.909	-
Thu tiền bồi thường tổn thất tàu Tân Cảng A2		145.904.754
Thu tiền hỗ trợ từ Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	3.484.350.000	-
Cộng	<u>3.493.440.909</u>	<u>145.904.754</u>
7. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	-
8. Lãi trên cổ phiếu		



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.391.087.425	19.684.608.219
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.391.087.425	19.206.582.126
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	34.000.000	34.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	688	579

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:


	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	34.000.000	34.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	34.000.000	34.000.000

Lập, ngày 24 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lý Ngọc Tuyên

Lê Thanh Sơn

Lâm Văn Tuấn